TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS -ST
Ngày: 28-7-2025
V/v " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phương Hạnh
Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh. tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điểm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 50/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2025/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp:

+ Ông Lê Yun H– Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

+ Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng Phòng tố tụng (Vắng mặt)

+ Công ty L1

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2 – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002.

Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02-4-2024; Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02-5-2024; Giấy ủy quyền số 48/GUQ-2025 ngày 13-3-2025.

Bị đơn: Ông Trần Văn H3, sinh năm 1978

HKTT: Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A, Khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 07-01-2022, Công ty T (Việt Nam) (*sau đây gọi tắt là Công ty T*) và ông Trần Văn H3 có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975 đề ngày 05-01-2022, với nội dung ông H3 vay số tiền 74.620.000 đ (*Bảy mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi ngàn)* đồng; mục đích vay để sửa nhà; lãi suất là 35%/năm; lãi suất quá hạn 150% x lãi suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi chậm trả 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 15-02-2022 đến ngày 15-01-2025.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giải ngân toàn bộ số tiền cho ông Trần Văn H3 vào ngày 10-01-2022 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 6000205511708 tại Ngân hàng N (A). Ông H3 đã thanh toán được 15 kỳ với tổng số tiền là 50.784.474 đồng. Đến ngày 15-4-2023, ông Trần Văn H3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng với Công ty T và Công ty đã chuyển nợ quá hạn khoản vay nêu trên.

Nay, Công ty T khởi kiện ông Trần Văn H3, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Trần Văn H3 thanh toán cho Công ty T tổng số tiền còn nợ là 110.053.798 đồng, trong đó nợ gốc là 52.914.004 đồng; lãi trong hạn: 18.909.345 đồng, lãi quá hạn là 35.187.185 đồng, lãi chậm trả là 3.043.263 đồng.

Ngoài ra, ông Trần Văn H3 còn phải chịu lãi, phí phạt phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông H3 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Văn H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ tranh chấp: Công ty T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H3 hoàn trả tiền nợ theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đề ngày 05-01-2022, mục đích vay sửa nhà nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn H3 có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3.] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

[4.1.] Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975 đề ngày 05-01-2022 giữa Công ty T và ông Trần Văn H3 được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp theo quy định, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2.] Căn cứ Điều 10 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975 đề ngày 05-01-2022 thì hợp đồng tín dụng được xem là đã giao kết và có hiệu lực kể từ ngày khách hàng ký vào hợp đồng và công ty chấp nhận đề nghị vay vốn bằng việc giải ngân số tiền vay theo như quy định tại hợp đồng tín dụng.

Tại Điều 3, Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975 nêu trên quy định thời hạn cho vay, số tiền trả hàng tháng, ngày thanh toán hàng tháng, lãi suất cho vay; lãi quá hạn, lãi chậm trả. Thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4.3.] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H3 đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay vào ngày 10-01-2022 bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 6000205511708 tại Ngân hàng N (A).

Ông H3 mới chỉ mới chỉ thanh toán cho Công ty T 15 kỳ với tổng số tiền: 50.784.474 đồng. Kể từ ngày 15-4-2023, ông Trần Văn H3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty và Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28-7-2025, ông H3 còn nợ Công ty T tổng số tiền là 110.053.798 đồng, trong đó nợ gốc là 52.914.004 đồng; lãi trong hạn: 18.909.345 đồng, lãi quá hạn là 35.187.185 đồng, lãi chậm trả là 3.043.263 đồng.

Căn cứ Khoản 3.3, 3.6 Điều 3; Khoản 8.3 Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975; Điều 5 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T thì ông H3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T đã tính lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả là có căn cứ, đúng theo hợp đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc ông Trần Văn H3 phải trả cho Công ty T tổng số nợ gốc, lãi là 110.053.798 đồng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Ông Trần Văn H3 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29-7-2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Công ty T

[5.] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Ông Trần Văn H3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.502.690 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Các Điều 117; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Điều 100, Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc ông Trần Văn H3 có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền là 110.053.798đ (*Một trăm mười triệu không trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm chín mươi tám*) đồng, trong đó nợ gốc là 52.914.004đ *(Năm mươi hai triệu chín trăm mười bốn ngàn không trăm lẻ bốn*) đồng; lãi trong hạn: 18.909.345đ (*Mười tám triệu chín trăm lẻ chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm*) đồng, lãi quá hạn là 35.187.185đ (*ba mươi lăm triệu một trăm tám mươi bảy ngàn một trăm tám mươi lăm*) đồng, lãi chậm trả là 3.043.263đ (*ba triệu không trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm sáu mươi ba*) đồng.

1.2. Kể từ ngày 29-7-2025, ông Trần Văn H3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2764975 đề ngày 05-01-2022 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Văn H3 phải nộp 5.502.690đ (*năm triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm chín mươi*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.980.031đ (*Một triệu chín trăm tám mươi ngàn không trăm ba mươi mốt*) đồng theo biên lai thu số 0000414 ngày 06-3-2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 12- TP.HCM;
- Phòng THA DS KV 12- TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hoa